

Phụ lục

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 VÀ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI**

(Kèm theo Tờ trình số 89/TTr-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đvt: Triệu đồng

TT	Dự án/Tiểu dự án/nội dung thành phần	Kế hoạch đầu tư công đã được cấp thẩm quyền giao						Điều chỉnh				Kế hoạch đầu tư công sau điều chỉnh						Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn 2021 - 2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch trung hạn 2021 - 2025		Kế hoạch vốn năm 2025		Kế hoạch trung hạn 2021 - 2025			Kế hoạch vốn năm 2025			
		Tổng số	Trong đó:		Tổng vốn	Trong đó:		Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:		Tổng vốn	Trong đó:		
			NSTW	NSDP		NSTW	NSDP						NSTW	NSDP		NSTW	NSDP	
	TỔNG CỘNG	1.274.010,9	1.149.932,1	124.078,8	239.974,7	203.577	36.397,7		13.167		13.167	1.260.843,9	1.136.765,1	124.078,8	226.807,7	190.410	36.397,7	
I	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển kinh tế xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	1.074.656,4	969.814,1	104.842,3	188.884,2	155.373	33.511,2					1.074.656,4	969.814,1	104.842,3	188.884,2	155.373	33.511,2	
1	- Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	1.074.656,4	969.814,1	104.842,3	188.884,2	155.373	33.511,2					1.074.656,4	969.814,1	104.842,3	188.884,2	155.373	33.511,2	
II	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm và nhà ở	199.354,5	180.118	19.236,5	51.090,5	48.204	2.886,5		13.167		13.167	186.187,5	166.951	19.236,5	37.923,5	35.037	2.886,5	
1	- Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	168.408,5	150.085	18.323,5	29.812,5	27.092	2.720,5					168.408,5	150.085	18.323,5	29.812,5	27.092	2.720,5	
2	- Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	17.779	16.866	913	8.111	7.945	166					17.779	16.866	913	8.111	7.945	166	
3	Chưa phân khai	13.167	13.167	-	13.167	13.167	-		13.167		13.167	-			-			